

# HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI GIỮA VÙNG TỰ DO VÀ VÙNG PHÁP CHIẾM ĐÓNG TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

ĐINH QUANG HẢI\*

**T**rong những năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, đất nước ta bị quân Pháp đánh chiếm và chia cắt. Việc trao đổi quan hệ buôn bán giữa nước ta với nước ngoài bị cắt đứt và phong tỏa chặt chẽ. Để đáp ứng những nhu cầu của cuộc kháng chiến và từng bước cải thiện đời sống nhân dân, chúng ta đã tìm mọi cách để có thể tiếp tục các quan hệ buôn bán với nước ngoài; đồng thời chủ trương đấu tranh kinh tế với địch và tăng cường hoạt động thương mại giữa vùng tự do và vùng Pháp chiếm đóng. Với bài viết này, chúng tôi muốn làm rõ về hoạt động thương mại giữa vùng tự do và vùng Pháp chiếm đóng để thấy được tính chất gay go, phức tạp của tình hình lúc bấy giờ; đồng thời, qua đó thấy được sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ta trong lĩnh vực kinh tế và cũng qua đó thấy được tinh thần yêu nước, ý thức xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ của nhân dân ta trong những năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp.

\*

Cách mạng Tháng Tám thành công. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Trong hoàn cảnh

nước nhà mới giành được độc lập, chính quyền cách mạng còn non trẻ lại phải đối diện với những vấn đề vô cùng cấp bách cần phải được giải quyết là nạn đói, nạn dốt và nạn ngoại xâm còn đang đe dọa. Chính quyền nhân dân đã đoàn kết toàn dân quyết tâm khắc phục khó khăn, kiên quyết đấu tranh để bảo vệ quyền tự chủ, giữ vững nền độc lập của nước nhà.

Ngay từ ngày 3-9-1945, tức là chỉ một ngày sau khi thành lập, Chính phủ Lâm thời đã ra Thông lệnh: Cấm tiếp tế cho địch, không mua hàng của địch, cấm buôn bán với địch; đồng thời chủ trương triệt để bao vây kinh tế địch, đi đôi với phá hoại kinh tế địch trong những vùng quân Pháp chiếm đóng nhằm ngăn chặn nguồn tiếp tế của chúng, cắt đứt quan hệ kinh tế giữa vùng tự do và vùng Pháp chiếm đóng, bao vây cô lập chúng về mặt kinh tế.

Công tác bao vây kinh tế địch với những hình thức và quy mô khác nhau tùy theo diễn biến tình hình chiến sự từng địa phương. Ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ta cũng chủ trương bao vây kinh tế địch. Riêng tại Liên khu III, ta chủ trương bao vây quanh thành phố, thị xã và cả trên sông Hồng,

\* TS. Viện Sử học.

phòng tuyến sông Đáy giáp vùng tự do. Ở Nam Trung Bộ thì hành chính sách kinh tế tự túc, thực hiện bao vây kinh tế địch triệt để. Hàng hóa trong vùng Pháp chiếm đóng đều bị cấm mang ra vùng tự do và lương thực thực phẩm từ vùng tự do bị cấm mang vào vùng Pháp chiếm đóng. Còn ở Nam Bộ, do điều kiện ra vào giữa vùng Pháp chiếm đóng và vùng kháng chiến dễ dàng, hơn nữa nhu cầu hàng công nghệ của nhân dân cao, nên ta không kiểm soát chặt chẽ, do đó hàng hóa vẫn lưu thông giữa hai vùng.

Có thể nói chủ trương bao vây phá hoại kinh tế địch lúc đầu là phù hợp thực tế tình hình và có ý nghĩa rất quan trọng. Việc thực hiện bao vây phá hoại kinh tế địch có kết quả đã ngăn cản được sự tiếp tế lương thực, thực phẩm của địch, làm chậm bước tiến của chúng trong việc mở rộng phạm vi chiếm đóng ra những vùng xung quanh. Nhưng về sau, chủ trương bao vây kinh tế địch không còn phù hợp với thực tế tình hình nữa, nên ta không đặt ra vấn đề bao vây cắt đường tiếp tế của địch, mà chủ trương mở đường trao đổi buôn bán giữa vùng tự do với vùng Pháp chiếm đóng để đấu tranh và lợi dụng kinh tế địch phục vụ cho nhu cầu của cuộc kháng chiến và dân sinh.

Trong những tháng cuối năm 1946, một số công ty đã được thành lập như: Việt Bắc công ty (tháng 9-1946), Việt thương công ty (tháng 10-1946), Đại đồng hữu hạn công ty (tháng 10-1946), Liên hiệp thương hàng (tháng 11-1946) với mục đích chuyên chở hàng hóa, trao đổi giao dịch buôn bán với tất cả các giới công thương ở trong nước và giao dịch với các nước khác về việc trao đổi, mua bán hàng hóa xuất nhập cảng.

Để hoạt động ngoại thương thu được kết quả tốt hơn, ngày 16-3-1947 Chủ tịch Chính phủ ra Sắc lệnh số 29/SL thành lập

*Ngoại thương Cục* trong Bộ Kinh tế. Cục có Hội đồng quản trị gồm đại diện Bộ Kinh tế, Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ; đồng thời thành lập Chi nhánh Liên khu Việt Bắc với Chi cục Cao Bằng và Chi cục Lạng Sơn; Chi nhánh Liên khu III với Chi cục Diêm Điền; Chi nhánh Liên khu IV với Chi cục Lạch Trường, Chi cục Thanh Hóa, Chi cục Nghệ An. Ngoại thương Cục có nhiệm vụ tổ chức nhập khẩu hàng hóa thông qua một số cửa khẩu như: Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai, Hà Giang, Diêm Điền, Quất Lâm, Thanh Hóa. Ngoại thương Cục giữ độc quyền nhập cảng các hàng hóa cần thiết cho Quốc gia trong thời kỳ kháng chiến và xuất cảng các sản phẩm trong nước.

Mặc dù bị thực dân Pháp phong tỏa trên biển và biên giới, cộng thêm những khó khăn về thiếu ngoại tệ và vàng để thanh toán, nhưng chúng ta vẫn thiết lập được các mối quan hệ với thương nhân nước ngoài (chủ yếu là thương nhân Trung Quốc, Thái Lan, Hồng Kông...) để mua những mặt hàng cần thiết cho nhu cầu kháng chiến và dân sinh như: thuốc nổ, kíp mìn, hóa chất, vải sợi, thuốc chữa bệnh v.v... ở biên giới Việt - Trung, hoạt động ngoại thương diễn ra ở Chi cục Cao Bằng là chính, luồng hàng hóa trao đổi với nước ngoài qua đây phát triển mạnh.

Thực dân Pháp tìm mọi cách để phá hoại việc buôn bán của ta với nước ngoài từ việc đánh phá các cửa khẩu đến việc lập các ổ nhóm buôn lậu, tung hàng hóa xa xỉ phẩm vào vùng tự do để phá hoại nền kinh tế kháng chiến. Trên thực tế đã hình thành nên một số luồng giao lưu hàng hóa giữa vùng tự do với vùng Pháp chiếm đóng và xuất hiện rất nhiều tư thương buôn bán hàng ngoại hóa. Những người này tổ chức thành từng đoàn buôn bán lén lút giữa

vùng tự do với vùng Pháp chiếm đóng gây rất nhiều khó khăn cho lực lượng công an và thuế quan trong việc kiểm soát. Hàng ngoại hóa thấm lậu vào vùng tự do ngày càng nhiều, nhưng những thứ hàng hóa chúng ta cần thì bị địch cấm tư thương mang ra vùng tự do, nên ta không mua được. Nhất là từ sau khi quân Pháp bị thất bại thảm hại trong chiến dịch Việt - Bắc Thu Đông năm 1947, chúng quay sang phá hoại ta về kinh tế. Song song với việc mở rộng vùng chiếm đóng, thực dân Pháp thực hiện triệt để phong tỏa ta trên biển và dọc tuyến biên giới, làm cho hoạt động của ta ở các Chi cục ngoại thương rất khó khăn. Từ cuối năm 1948, các Chi cục ngoại thương Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Giang, Lào Cai, Diêm Điền, Quát Lâm, Thanh Hóa phải đình chỉ hoạt động hoặc hoạt động không đáng kể.

Trước tình hình đó, vấn đề bao vây để cắt luồng tiếp tế thực phẩm của địch lúc này ta không đặt ra nữa. Mặt khác, để đẩy mạnh sản xuất nông, lâm thổ sản cần phải khai thông đường tiêu thụ sản phẩm. Trong khi đó, do khó khăn về vận tải, việc tiêu thụ sản phẩm gặp khó khăn do địch phá hoại như đã nói ở trên làm cho nhiều thứ hàng nông, lâm thổ sản làm ra bị ứ đọng không tiêu thụ được, dẫn đến bị sụt giá. Ngoài các mặt hàng như: gạo, gà, vịt ở miền Tây Nam Bộ; còn có quế, dầu dừa ở Liên khu V; gỗ, sa nhân, hồi... ở Việt Bắc đã sản xuất ra nhưng không tiêu thụ được. Do đó Đảng ta chủ trương mở đường trao đổi hàng hóa giữa vùng tự do với vùng Pháp chiếm đóng để bán nông, lâm thổ sản và mua về những thứ hàng cần thiết để đẩy mạnh sản xuất ở vùng tự do, phục vụ cho nhu cầu kháng chiến và dân sinh.

Thực hiện chủ trương trên đây, ngày 14-4-1948 Liên bộ Kinh tế-Tài chính ra Nghị

định số 101 BKT-BTC quy định nguyên tắc mậu dịch giữa vùng tự do và vùng Pháp chiếm đóng: "Mọi việc buôn bán hàng ngoại và hàng sản xuất ở các nơi hiện đang bị chiếm đóng sang vùng tự do đều cấm chỉ, trừ những hàng tối cần thiết cho nhu cầu của nhân dân. Việc đem thực phẩm và hàng hóa vào các nơi đang bị chiếm đều cấm chỉ, trừ những hàng hóa bán ra không hại cho nền kinh tế quốc gia" (1).

Tiếp đó, Liên Bộ Kinh tế-Tài chính ra Nghị định số 102 quy định tại những đầu mối giao thông, những vùng giáp ranh vùng tự do với vùng Pháp chiếm đóng thành lập các *Phòng tiếp liệu* trực thuộc các chi nhánh ngoại thương Liên khu, đặt các Chi sở mậu dịch xuất nhập khẩu, Ngân hàng xuất nhập khẩu và Hải quan để lãnh đạo, quản lý kinh doanh xuất nhập khẩu, mua hàng ngoại hóa cần thiết, hướng dẫn cho thương nhân kinh doanh và thu đổi tiền Đông Dương. Nghị định này còn quy định:

- Mang hàng từ vùng tự do vào vùng Pháp chiếm đóng phải có giấy thông hành đặc biệt do Công an hay Thuế quan cấp.

- Mang hàng từ vùng Pháp chiếm đóng ra vùng tự do phải nộp thuế quan.

- Chi cục trưởng ngoại thương, Trưởng phòng tiếp liệu, Đồn trưởng ngoại thương có quyền khám và lập biên bản thu giữ hàng hóa.

Thực hiện Nghị định này, ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ đã thành lập các phòng tiếp liệu ở Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hà Đông, Hải Dương, Hưng Yên, Thanh Hóa, Quảng Bình, Thừa Thiên. Các phòng tiếp liệu cấp giấy cho thương nhân đi vào vùng Pháp chiếm đóng mua những mặt hàng cần thiết (theo quy định) cho bộ đội và cơ quan như: vải, sợi, thuốc tây, hóa chất, văn phòng

phẩm... Những hàng hóa này khi mang ra phải bán tất cả hoặc một phần cho phòng tiếp liệu theo giá quy định, số còn lại mới được phép bán ra thị trường theo giá tự do. Những thương nhân nào không có giấy thông hành đặc biệt do công an hoặc thuế quan cấp đều bị coi là buôn lậu bất hợp pháp. Hàng hóa mang theo có thể bị khám xét, lập biên bản và tịch thu.

Cụ thể hơn, trong Thông tư số 9 của Bộ Kinh tế ngày 27-4-1948 quy định các loại hàng hóa được phép lưu thông giữa hai vùng. Các loại hàng được phép mang ra vùng tự do gồm: vải, sợi, len, da thuộc, xe đạp và phụ tùng, dép cao su, xà phòng giặt, bàn chải, đèn pin, kim chỉ, kính, thuốc Bắc, thuốc Lào. Các loại hàng cấm mang ra là: bột mì, ca cao, bơ, pho mát, thuốc lá, tơ lụa, đồ trang sức. Các loại hàng được phép mang vào vùng Pháp chiếm đóng là: chè, café, mắm tôm, trâu cau, nấm, lá gồi, tre luồng, củ nâu, rổ rá, áo tơi, nón, gốc gỗ, thuốc lá, thuốc Lào, quế, cánh kiến, hồi, trâu, sơn, sa nhân, xương bò, thuốc phiện (2).

Song song với việc ban hành quy định về các mặt hàng được phép xuất nhập khẩu, còn có các sắc lệnh như: cấm bán thực phẩm vào vùng Pháp chiếm đóng, phong tỏa và bao vây kinh tế địch, quy định các hàng xa xỉ phẩm cấm nhập nội.

Ngày 20-8-1948, Chủ tịch Chính phủ ra Sắc lệnh số 208/SL ấn định mức thuế nhập khẩu đối với hàng ngoại hóa và kêu gọi nhân dân thực hiện khẩu hiệu: "Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam"; đồng thời ra Sắc lệnh số 221/SL sửa đổi Sắc lệnh số 54/SL (ngày 10-6-1947) về thuế nhập khẩu. Việc thu thuế xuất nhập khẩu của ta tuy đạt kết quả không lớn nhưng có tác dụng rất quan trọng trong đấu tranh kinh tế với địch, bảo vệ kinh tế của ta ở khu vực biên

giới, bờ biển cũng như trong nội địa giữa vùng tự do và vùng Pháp chiếm đóng.

Chủ tịch Chính phủ còn ký Sắc lệnh số 222/SL cấm chỉ buôn bán với địch và ra Sắc lệnh số 223/SL sửa đổi điều 2 của Sắc lệnh số 53/SL (1-6-1947) về cải tổ Ngoại thương cục để việc đấu tranh với địch cũng như đối phó với các hành động phá hoại của chúng đạt hiệu quả hơn và có sự chỉ đạo thống nhất. Theo đó, ngày 12-10-1948, một tổ chức mới là *Ban bao vây kinh tế địch Trung ương* được thành lập theo Sắc lệnh số 241/SL (3). Thành phần của Ban gồm có: Đặc phái viên Chính phủ, Đặc phái viên Hội đồng Quốc phòng tối cao, Phái viên của các Bộ hữu quan. Ban có nhiệm vụ nghiên cứu các biện pháp để tăng cường công tác bao vây kinh tế địch và thực hiện thể lệ về đi lại, trao đổi hàng hóa giữa vùng tự do và vùng Pháp chiếm đóng.

Ở mỗi tỉnh cũng thành lập Ban bao vây kinh tế địch đặt dưới sự chỉ đạo của Ủy ban Hành chính Kháng chiến tỉnh. Tổ chức bao vây kinh tế địch ở các Ty của các tỉnh gồm có:

- Các Đồn trật tự phụ trách bao vây kinh tế địch ở trên các đường giao thông chính, ở các cửa ngõ vùng Pháp chiếm đóng.

- Các Đội lưu động trong vùng Pháp chiếm đóng hay dọc theo ranh giới giữa hai vùng.

- Các Đội tuần giang trên sông để khám xét và bắt các thuyền buôn lậu.

- Trật tự xã và Dân quân ở các địa phương vùng Pháp chiếm đóng.

- Các lực lượng điều tra (tư pháp và chính trị) của Ty được tung vào các Giới để nắm đầu mối các vụ buôn lậu.

Hoạt động của Tổ chức bao vây kinh tế địch ngoài việc khám xét, bắt giữ lập biên bản, trong một số trường hợp còn tổ chức

**Bảng 1**  
*Giá một số hàng xa xỉ phẩm năm 1948 (6)*

Loại hàng	Đơn vị	Đầu năm 1948 (đ)	Tháng 6-1948 (đ)	Tháng 12-1948 (đ)
Thuốc là Cotab	1 bao	25	25	50
Lược Mỹ	1 chiếc	70	65	84
Thuốc đánh răng Gibbs	1 hộp	14	20	25-30
Xà phòng thơm	1 bánh	10	8	15
Bật lửa	1 cái	20	26	35
Bàn chải đánh răng	1 cái	20	28	35
Bút máy Wearever	1 cái	75	105	170

tổng kiểm soát để tịch thu hàng ngoại hóa và cảnh cáo những thương nhân buôn lậu. Ngoài ra công an viên còn bắt giữ hàng nội hóa hay thực phẩm (trong danh mục cấm) nhập vào vùng Pháp chiếm đóng nhằm giữ vững giá sinh hoạt trong vùng tự do.

Việc bao vây kinh tế địch còn đi đôi với các hoạt động phá hoại các đường giao thông, đốt phá các xe cộ, kho tàng, giải tán các chợ trong vùng địch, chặn bắt các thuyền vận tải buôn lậu. Để khuyến khích bắt hàng lậu, Chính phủ quy định: Trích 50% trị giá hàng lậu bắt được để thưởng 25% cho người đi báo, 24% cho người đi bắt, 1% cho người lập biên bản (4).

Hàng hóa buôn lậu bị tịch thu và được giao cho Phòng tiếp liệu hay Ty kinh tế các tỉnh sử dụng. Đối với hàng xa xỉ phẩm sẽ được tái xuất vào vùng Pháp chiếm đóng. Trong trường hợp không thể tái xuất thì để giúp đỡ cho các tổ chức từ thiện. Đối với hàng có thể để lâu dài thì chỉ được phát mại sau khi đã được Tòa án xét xử, số tiền thu được phải bỏ vào công quỹ.

Trong năm 1948, riêng Liên khu III đã bắt giữ 3.000 vụ phạm pháp, thu giữ lượng hàng hóa trị giá 5.000 đồng; năm 1949 bắt giữ 18.000 vụ phạm pháp, thu giữ lượng hàng hóa trị giá 7.000.000 đồng (5).

Nhờ sự tổ chức bao vây chặt chẽ, nên hàng ngoại hóa không tràn vào vùng tự do

bừa bãi như trước nữa. Nhất là việc bài trừ hàng xa xỉ phẩm đạt kết quả khả quan. Hàng xa xỉ phẩm bán ngoài thị trường rất ít, hơn nữa giá rất cao vì thương nhân bị cấm buôn hàng xa xỉ phẩm. Bảng trên đây thể hiện giá một số hàng xa xỉ phẩm trên thị trường (Xem Bảng 1).

Mặt khác, ngay cả phía thực dân Pháp cũng kiểm tra rất chặt chẽ những người ra vào vùng tự do bằng cách phát thẻ cho từng người. Một mặt, chúng tạo thuận lợi cho các thương nhân mang hàng xa xỉ phẩm ra bán ở vùng tự do và đem hàng nông sản, thực phẩm vào vùng Pháp chiếm đóng. Ngược lại đối với những thương nhân đem hóa chất, nguyên liệu quý, thuốc chữa bệnh, vải Ka ki, văn phòng phẩm, quân dụng sẽ bị chúng bắt giữ, hàng hóa bị tịch thu, thậm chí còn bắt thương nhân bỏ tù.

Trong thực tế, các trạm của cả phía ta lẫn phía Pháp đều không thể kiểm soát được toàn bộ sự lưu thông hàng hóa giữa hai vùng, bởi vì thương nhân là người địa phương, họ rất thông thuộc địa hình, nên có thể dễ dàng qua mắt được nhân viên kiểm soát.

Năm 1949, thực dân Pháp mở rộng phạm vi chiếm đóng ra nhiều vùng đồng bằng. Phạm vi vùng tự do bị thu hẹp, nhu cầu trao đổi hàng hóa giữa vùng tự do với vùng Pháp chiếm đóng tăng lên rất nhiều.

Trong dịp kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động, ngày 30-4-1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào và chiến sĩ cả nước, nêu nhiệm vụ: "... Mở mang việc buôn bán, giúp vào việc tiếp tế; buôn bán nội hóa, tránh chợ đen; giữ vững giá tiền Việt Nam" (7).

Thời gian này, hoạt động trao đổi, buôn bán qua các thương khẩu giữa vùng tự do với vùng Pháp chiếm đóng diễn ra tương đối sôi nổi, hình thành nên những điểm tập trung buôn bán khá lớn như: Đại Từ, Quán Vương (Thái Nguyên); Hồng Phú, Kim Bảng (Hà Nam); Yên Mô, Gián Khẩu (Ninh Bình); Rừng Thông, Cầu Bó (Thanh Hóa); Đô Lương, Cầu Giát (Nghệ An) v.v... Lượng hàng hóa xuất nhập khẩu có sự thay đổi khá lớn qua từng năm. Nếu lấy năm 1947 = 100% thì năm 1948 qua thương khẩu xuất khẩu đạt 82%, nhập khẩu đạt 27%; qua vùng Pháp chiếm đóng xuất khẩu đạt 18%, nhập khẩu đạt 73%. Năm 1949

qua thương khẩu xuất khẩu đạt 90%, nhập khẩu đạt 10%; qua vùng Pháp chiếm đóng xuất khẩu đạt 85%, nhập khẩu đạt 10% (8).

Biểu đồ dưới đây thể hiện giá trị hàng hóa xuất nhập khẩu qua các năm (Xem Biểu đồ 2, 3)

Tổng số thu thuế xuất khẩu trong năm 1949 là 2.046.045 đồng (trong đó Khu I là 69.150 đồng, Khu III là 133.302 đồng, Khu IV là 700 đồng, Khu V là 1.842.893 đồng). Các sản phẩm hàng hóa bán ra là: vôi, bóng cá, thuốc lá, café, chè, cau khô, hạt sen, chiếu cói...

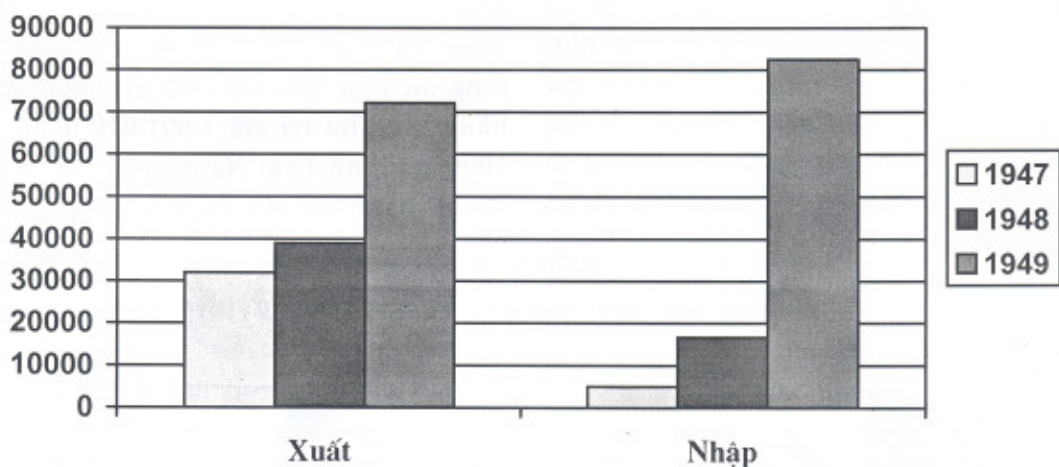
Tổng số thu thuế nhập khẩu là 28.439.745 đồng (trong đó Khu I là 7.987.529 đồng, Khu III là 10.807.545 đồng, Khu IV là 1.527.135 đồng, Khu V là 7.732.398 đồng, Khu X là 385.138 đồng) (11).

Việc thu thuế xuất nhập khẩu hoạt động mạnh ở các Ty thuộc Lạng Sơn, Quảng Yên, Bắc Ninh (Liên khu I); Hưng Yên, Hà

**Biểu đồ 2**

*So sánh trị giá xuất và nhập khẩu trong các năm 1947, 1948, 1949 (9)*

*(tính bằng nghìn đồng)*



Năm 1947: Nhập siêu - 27.000.000 đồng  
 Năm 1948: Nhập siêu - 22.719.000 đồng  
 Năm 1949: Xuất siêu + 10.313.000 đồng

Đông, Hà Nam (Liên khu III); Quảng Nam (Liên khu V). Ngoài ra, ở Nam Trung Bộ còn đặt ra thuế lợi tức đánh vào hàng xuất nhập cảng từ 1% - 300% tùy theo từng loại hàng. Năm 1948, thuế lợi tức ở Nam Trung Bộ thu được 4.959.873 đồng, năm 1949 thu được 8.424.884 đồng (12). Ở Nam Bộ, cuối năm 1948 đã tổ chức Hội nghị Kinh tế-Tài chính quyết định đề ra *Chính sách tiêu dùng sản xuất*, thành lập *Ban tiêu dùng sản xuất* và quy định biểu thuế đánh vào hàng nhập khẩu với mức thuế từ 80 - 100% gọi là thuế xuất thị hay thuế nhập thị. Các nguồn thuế xuất thị hay thuế nhập thị cung cấp tới 70% nguồn thu ngân sách của Nam Bộ lúc đó (13).

Quan hệ buôn bán giữa vùng tự do và vùng Pháp chiếm đóng đã diễn ra khá nhộn nhịp, tuy nhiên do vẫn duy trì chủ trương bao vây kinh tế địch và do một số cán bộ của ta có tư tưởng sợ địch lợi dụng phá hoại kinh tế của ta nên đã xảy ra tình trạng có một số địa phương hạn chế quá mức những mặt hàng cho phép bán vào vùng Pháp chiếm đóng, kể cả một số loại hàng không nằm trong danh mục cấm xuất, hoặc cả những hàng đang thừa và bị ứ đọng như thóc lúa, gà vịt ở Cần Thơ, Rạch Giá; gỗ, gạch ở Việt Bắc v.v... Do đó hàng bán được ít, không thu được ngoại tệ, nên không có tiền mua hàng cần thiết, không thỏa mãn

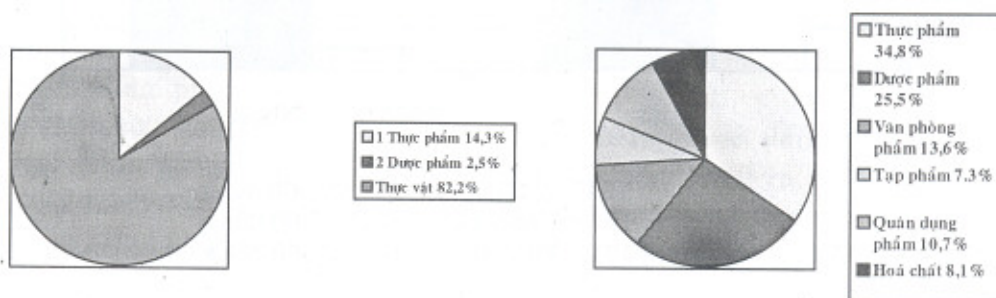
hết các nhu cầu của bộ đội, cơ quan và nhân dân. Để bù đắp lại, một số phòng tiếp liệu phải dùng tiền Việt Nam để mua hàng làm cho tỉ giá hối đoái tiền Việt Nam bị sụt giảm so với tiền Đông Dương, gây bất lợi cho ta.

Ngày 8-6-1949, Chính phủ ra Sắc lệnh số 58/SL bãi bỏ *Ban Bao vây kinh tế địch Trung ương*. Việc bao vây kinh tế địch giao cho Ủy ban Hành chính Kháng chiến các địa phương thực hiện.

Trong năm 1950, ta chủ trương lợi dụng kinh tế địch để phục vụ cho nhu cầu kháng chiến và tăng cường hơn nữa sự lưu thông hàng hóa giữa vùng tự do và vùng Pháp chiếm đóng. Do đó, những thứ hàng cần thiết cho kháng chiến và dân sinh đã mua được nhiều hơn thông qua các cơ quan tiếp liệu. Nhưng mặt khác, các vụ buôn lậu của thương nhân cũng tăng lên đáng kể. Theo báo cáo của Bộ Nội vụ trong 8 tháng đầu năm 1950, công an Bắc Ninh bắt 1.562 vụ buôn lậu, số hàng tịch thu trị giá 10.346.000 đồng; năm 1950 công an Vĩnh Phúc bắt 786 vụ buôn lậu có 1.218 vụ can phạm, hàng buôn lậu trị giá 7.089.084 đồng. Từ tháng 10-1949 đến tháng 10-1950, công an Phú Thọ bắt 302 vụ buôn lậu, số hàng tịch thu trị giá 1.691.949 đồng; năm 1950, công an Thái Nguyên bắt 82 vụ buôn lậu, số hàng tịch thu trị giá 2.371.830 đồng;

### Biểu đồ 3

So sánh các loại hàng xuất nhập năm 1948, 1949 (10)



công an Thanh Hóa thu giữ số hàng trị giá 1.291.268 đồng; công an Hà Tĩnh bắt 159 vụ buôn lậu, hàng hóa trị giá 1.630.713 đồng; công an Nghệ An bắt 22 vụ buôn lậu, hàng hóa trị giá 1.120.000 đồng (14).

Trong năm 1950, thành tích phá hoại kinh tế địch của các tỉnh cũng rất khá. Nhiều chợ, kho chứa hàng, xe vận tải, các đoàn tàu hỏa, tàu thuyền chở hàng của địch... ở các tỉnh Hà Đông, Sơn Tây, Hải Dương, Hưng Yên, Kiến An, Hải Phòng, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình, Quảng Yên, Thừa Thiên, Quảng Trị đã bị ta đốt phá, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Tại Nam Bộ, công nhân các nhà máy, đồn điền ở Sài Gòn, Gia Định, Mỹ Tho, Thủ Dầu Một, Vĩnh Long, Cần Thơ... đã đình công, mít tinh biểu tình đòi tăng lương, phản đối đuổi thợ, đòi giải quyết tình trạng thất nghiệp. Cao hơn nữa là phong trào công nhân đập phá máy móc, chặt phá cây cao su, đập chén đựng mủ cao su, đốt cháy và đánh chìm tàu thuyền của địch... tạo thành một phong trào đoàn kết đấu tranh với tinh thần rất cao.

Hoạt động của các cơ quan ngoại thương trong năm 1950 phần lớn nhằm thực hiện kế hoạch dồn tất cả khả năng cung cấp cho quốc phòng. Do đó, có tới 90% hàng hóa nhập khẩu giao cho các cơ quan quốc phòng, tổng giá trị hàng hóa trong 10 tháng đầu năm 1950 đạt 195.874 đồng. Hàng hóa nhập khẩu bao gồm được phẩm, hóa chất, quân dụng, dầu mỡ, máy móc, dụng cụ kim khí, phụ tùng, văn phòng phẩm.

Cuối năm 1950, sau chiến thắng Biên giới, cuộc kháng chiến của nhân dân ta chuyển sang giai đoạn mới. Ta đã phá thế bao vây của địch, tuyến biên giới phía Bắc được khai thông, Việt Nam đã có điều kiện thuận lợi mở rộng trao đổi quan hệ với thế giới bên ngoài. Ở trong nước sản xuất ở vùng tự do có điều kiện phát triển, bước

đầu thu được những kết quả tốt, mặt khác nhu cầu của cuộc kháng chiến ngày một tăng. Do đó, hoạt động thương mại giữa vùng tự do với vùng Pháp chiếm đóng trở thành nhu cầu cấp thiết. Trước tình hình đó đòi hỏi chúng ta phải có sự chuyển biến trong chủ trương đấu tranh kinh tế với địch. Từ chỗ bao vây kinh tế địch một cách tiêu cực, nay ta chuyển sang đấu tranh kinh tế với địch một cách tích cực, quản lý xuất nhập khẩu theo phương châm tranh thủ trao đổi có lợi, tranh thủ xuất siêu nhằm bảo vệ sản xuất ở hậu phương, bảo đảm cung cấp cho kháng chiến và dân sinh.

\*

Tóm lại, trong những năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1950), nhìn chung hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa mang nặng tính chất một chiều. Do ta chưa mạnh dạn tổ chức bán hàng vào vùng Pháp chiếm đóng, xuất khẩu bị ngăn cấm hoặc hạn chế một cách cứng nhắc đã làm cho hàng hóa trong vùng tự do bị ứ đọng, dẫn đến tình trạng giá cả hàng hóa chênh lệch giữa các địa phương, ảnh hưởng không tốt đến sản xuất; đồng thời do ta không bán được hàng hóa nên không thu được ngoại tệ, thiếu phương tiện thanh toán nên không mua được nhiều hàng, gây ảnh hưởng đến nhập khẩu và còn làm cho tiền Việt Nam bị sụt giá.

Mặt khác, tuy nhập khẩu được quy định chặt chẽ nhưng thực tế lại không thể quản lý được. Phòng tiếp liệu chỉ nặng về mặt kinh doanh, mà chưa sử dụng được đa số thương nhân để mua hàng cho Phòng tiếp liệu, chưa phối hợp được chặt chẽ ngành này với ngành khác, địa phương này với địa phương khác. Do đó hàng ngoại hóa (ngoài luồng quy định) vẫn từ vùng Pháp chiếm đóng tràn vào vùng tự do ngoài tầm kiểm soát của công an và thuế quan, gây ra tình trạng xuất nhập khẩu khá lộn xộn.



Tuy nhiên, hoạt động thương mại giữa vùng tự do và vùng Pháp chiếm đóng thời gian này đã thu được kết quả đáng kể. Cùng với việc bao vây kinh tế địch đạt kết quả, việc lợi dụng kinh tế địch cũng có ý nghĩa quan trọng. Chúng ta đã mua được ở vùng Pháp chiếm đóng một số hàng cần thiết cho kháng chiến và dân sinh; đồng thời bán vào vùng Pháp chiếm đóng một số hàng ta có thừa. Điều đó đã ảnh hưởng tốt đến sản xuất và đời sống nhân dân. Có thể nói chính sách quản lý ngoại thương được chúng ta thực hiện lúc đó là một biện pháp quan trọng để đấu tranh kinh tế với địch,

bảo vệ kinh tế của ta, nhằm mục đích khơi luồng mua bán hàng hóa giữa hai vùng. Nhờ đó chúng ta đã giải quyết được một phần nhu cầu của kháng chiến và dân sinh về thuốc men, nguyên vật liệu, nhiên liệu, hàng tiêu dùng thiết yếu trong những năm tháng gay go phức tạp nhất của cuộc kháng chiến. Mặt khác, nhờ tiêu thụ được nông, lâm, thổ sản nên sản xuất ở vùng tự do được phát triển và đời sống của nhân dân bớt khó khăn hơn, có nhiều điều kiện hơn để tham gia kháng chiến kiến quốc giành thắng lợi.

### CHÚ THÍCH

(1), (2). *Biên niên lịch sử ngoại thương Việt Nam 1945-1990*. Bộ Thương mại và Du lịch, 1-1992, tr. 17, 19.

(3). *Sắc lệnh số 241/SL ngày 12-10-1948*. Công báo, số 1, năm 1949.

(4). *Biên bản Hội nghị bao vây kinh tế địch Liên khu IV ngày 25-12-1948*. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, phòng Phủ Thủ tướng, Hồ sơ số 2029.

(5). *Báo cáo của Bộ Kinh tế về thành tích kinh tế đã đạt được từ sau Cách mạng tháng Tám đến năm 1950*. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, phòng Phủ Thủ tướng, Hồ sơ số 1915.

(6). *Tập báo cáo của Ban Trung ương bao vây kinh tế địch và tình hình công tác năm 1949*. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, phòng Phủ Thủ tướng, Hồ sơ số 2002.

(7). *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 5, 1947-1949. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 591.

(8). *Báo cáo của Bộ Kinh tế và thành tích kinh tế đã đạt được từ sau Cách mạng tháng Tám đến năm 1950*. Sdd, Hồ sơ số 1915.

(9), (10). *Báo cáo của Bộ Kinh tế về thành tích kinh tế đã đạt được từ sau Cách mạng tháng Tám đến năm 1950*. Sdd, Hồ sơ số 1915.

(11), (12). *Báo cáo hoạt động của Bộ Tài chính năm 1949*. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, phòng Phủ Thủ tướng, Hồ sơ số 2064.

(13). *Dẫn theo Viện Kinh tế: Kinh tế Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám đến kháng chiến thắng lợi (1945-1954)*. Nxb. Khoa học, Hà Nội, 1966, tr. 255.

(14). *Báo cáo bao vây phá hoại kinh tế địch năm 1950* của Bộ Nội vụ RATU/TP. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, phòng Phủ Thủ tướng, Hồ sơ số 2004.